



Số: 0089(1)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Tiếng ồn
Ngày quan trắc : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : K1- K2/04/12.06.2024

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2010	35 ÷ 130 dBA
2	Độ rung ^{(a)(*)}	TCVN 6963:2001	20 ÷ 150 dB

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Thời gian quan trắc	Tiếng ồn	Mức gia tốc rung
Đơn vị	-	dBA	dB
1. Khu vực gần cụm thiết bị nén	9h00	63,5	21024.55
2. Khu vực khí nén	9h35	64,9	311.56
QCVN 26:2010/BTNMT	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 55	ƯC KHỎE SỎNG VIỆT
Giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất thương mại dịch vụ tại khu vực thông thường (QCVN 27:2010/BTNMT)	-	-	6 giờ - 21 giờ: 70 21 giờ - 6 giờ: 60

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE
MÔI TRƯỜNG
NAM VIỆT
QU: 12 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0089(1)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi qua hệ thống xử lý
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT1/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	Nhiệt độ ^{(a)(*)}	°C	30,1	4 ÷ 55	40	SMEWW 2550B:2017
2	pH ^{(a)(*)}	-	7,25	2 ÷ 12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011
3	COD ^(a)	mg/L	84,0	3,0	150	SMEWW 5220C:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	40,0	4,0	100	TCVN 6625:2000
5	Cr (VI) ^(a)	mg/L	KPH	0,003	0,1	SMEWW 3500-Cr.B:2017
6	Sắt ^(a)	mg/L	0,16	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
7	Tổng Nito ^(a)	mg/L	12,9	2,0	40	TCVN 6638:2000
8	Tổng Phospho ^(a)	mg/L	1,04	0,03	6	SMEWW 4500-P.B&E:2017
9	Clorua ^(a)	mg/L	133,3	5,0	1.000	TCVN 6194:1996
10	Tổng dầu, mỡ ^(Δ)	mg/L	KPH	0,3	-	SMEWW 5520.B:2023
11	Cu ^(Δ)	mg/L	KPH	0,015	2	SMEWW 3111.B: 2023
12	Pb ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0023	0,5	SMEWW 3111.B:2023
13	Zn ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0030	3	SMEWW 3111.B:2023
14	Cd ^(Δ)	mg/L	KPH	0,00015	0,1	SMEWW 3111.B:2023
15	Hg ^(Δ)	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 7877:2008
16	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
17	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	1,0	12	TCVN 5988:1995
18	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	10,7	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014
19	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.000	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vincerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**


Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0089(1)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua hệ thống xử lý tại nhà điều khiển/ thí nghiệm
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT2/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,2°C)	-	7,12	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	32,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	24,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,60	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,96	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,69	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,48	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,25	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,038	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(1)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà ăn
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024
Mã số mẫu : NT3/04/12.06.2024

Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^{(a)(*)} (31,0°C)	-	7,22	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	33,8	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	36,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	1,00	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	KPH	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,71	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,65	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,10	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	1.900	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,071	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN - SỨC KHỎE - MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0089(1)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà văn phòng
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024
Mã số mẫu : NT4/04/12.06.2024

Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,7°C)	-	7,11	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	31,2	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	30,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,90	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,34	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,52	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,80	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,10	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.000	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,058	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(1)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà bảo vệ (khu vực nhà máy)
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT5/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^{(a)(*)} (30,8°C)	-	6,98	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	36,3	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	26,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,90	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,61	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,99	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,17	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,019	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(1)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà bảo vệ (Khu vực kho chứa sản phẩm)
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT6/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (30,2°C)	-	6,87	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	33,8	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	38,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,51	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,41	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	1,93	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,11	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.400	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,048	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(1)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại phòng điều khiển
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT7/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^{(a)(*)} (30,9°C)	-	7,74	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	32,5	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	26,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	3,02	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,30	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,29	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,21	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.100	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(A)	m ³ /h	0,069	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(1)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại nhà kho/Xưởng
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT8/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^{(a)(*)} (31,3°C)	-	7,13	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	31,2	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	38,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	KPH	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,35	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,47	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,00	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,22	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	1.600	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,067	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0089(1)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU –
NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : KCN Khánh An, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sau khi qua HTXL tại phòng điều khiển khu vực cảng xuất sản phẩm
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT9/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)	Phương pháp phân tích
1	pH ^{(a)(*)} (31,5°C)	-	7,32	2 ÷ 12	5 - 9	TCVN 6492:2011
2	BOD ₅ ^(a)	mg/L	36,3	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
3	TSS ^(a)	mg/L	40,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
4	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,30	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
5	Sunfua (Tính theo H ₂ S) ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
6	Amoni ^(a) (Tính theo N)	mg/L	1,62	1,0	12	TCVN 5988:1995
7	Nitrat ^(a) (Tính theo N)	mg/L	2,60	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
8	Photphat ^(a) (Tính theo P)	mg/L	2,40	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
9	Sắt ^(a)	mg/L	0,19	0,05	5	SMEWW 3500-Fe.B:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	2.000	2	5.000	SMEWW 9221B:2017
12	Lưu lượng ^(Δ)	m ³ /h	0,059	0 ÷ 219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vimcerts 026)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 0089(7)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước uống máy lọc nước tại Admin building
Ngày nhận mẫu : 12/06/2024
Mã số mẫu : 2406008
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b) (25,0°C)	-	6,95	2 – 12	6,0 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 – 1000	2	SMEWW 2130B:2023
3	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 – 500	15	TCVN 6185:2015
4	Mùi vị	-	Không có mùi, vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2023 SMEWW 2160.B:2023
5	TDS ^(b)	mg/L	40,0	12,0	1000	SMEWW 2540-SolidsC:2023
6	N-NH ₄ ⁺ ^(b)	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
7	Độ cứng tổng số ^(b) (tính theo CaCO ₃)	mg/L	42,0	3,0	300	SMEWW 2340C:2023
8	E. coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	< 1	TCVN 6187-1:2019 (ISO 9308-1:2014)
9	Nhôm (Al) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3113B:2017
10	Arsen (As) ^(Δ)	mg/L	KPH	63×10 ⁻⁵	0,01	TCVN 6626:2000 (ISO 11969:1996)
11	Florua (F ⁻) ^(Δ)	mg/L	0,11	0,006	1,5	SMEWW 4110B:2017
12	Sunfua (H ₂ S) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,006	0,05	SMEWW 4500-S ₂ -C&D:2017
13	Chì (Pb) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,0028	0,01	TCVN 6193B:1996 (ISO 8288:1986)
14	Thủy ngân (Hg) ^(Δ)	mg/L	KPH	18×10 ⁻⁵	0,001	TCVN 7877:2008 (ISO 5666:1999)
15	Natri (Na) ^(Δ)	mg/L	KPH	0,003	200	SMEWW 3111B:2017

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(Δ): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ phân tích (Trung tâm Công nghệ Môi trường Coshet, Vilas 444)

⁽ⁱ⁾: Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vì sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: admin@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0089(8)-06.2024/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU – NHÀ MÁY XỬ LÝ KHÍ CÀ MAU (GPP)
Địa chỉ : Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải tại đầu ra của hồ lưu nước thải sau khi qua hệ thống xử lý
Ngày lấy mẫu : 12/06/2024 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : NT1/04/12.06.2024

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B)	Phương pháp phân tích
1	DO ^(b)	mg/L	3,65	0 – 16	-	TCNV 7325:2016

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b) : Các chỉ tiêu đã được VALAS công nhận

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.